

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2019

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị T**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trương Quang H
2. Ông: Mai Xuân G

Thư ký tòa án ghi biên bản: Ông Lâu Văn C - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Viết T - KSV

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2019/TLST- HNGĐ, ngày 18/01/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST, ngày 11/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa giữa:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị H - Sinh ngày 18/12/1982

Bị đơn: Anh Hà Văn M - Sinh ngày 05/9/1980

Đều trú tại: Khu 1 thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 01 năm 2019; bản tự khai ngày 11/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vi Thị H trình bày: Chị và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/5/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2016 có phát sinh mâu thuẫn nhưng được Ban quản lý khu phố 1 và hai bên gia đình hòa giải nên anh, chị về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện, vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là trong cuộc sống không đồng nhất quan điểm trong làm kinh tế cũng như nuôi dạy con dẫn đến cãi nhau, đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018, không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau nên vợ chồng anh, chị đã nảy sinh mâu thuẫn và đã chia tay mỗi người một cuộc sống riêng. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng chị có 01 con chung là Hà Văn M (sinh ngày 02/5/2002), hiện đang học lớp 10, trường THPT Mường Lát, cháu ở với chị. Chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi cháu M đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu anh M đóng góp nuôi con chung. Cháu M hiện tại khỏe mạnh, không ốm đau, không bệnh tật gì.

Chị cam đoan, ngoài cháu M anh, chị không có con chung nào. Hiện tại chị H sức khỏe tốt, không ốm đau, không có thai nghén.

Về tài sản chung, nợ nần chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Hà Văn M đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không cung cấp lời khai hay tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng còn bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho ly hôn. Giao cháu M cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cháu đến khi cháu trưởng thành, anh Mong có quyền thăm nom, chăm sóc cháu M nhưng không được lạm dụng hoặc dựa vào việc thăm con gây khó khăn cho chị H, chị H không được ngăn cấm hoặc cản trở. Buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Vi Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Hà Văn M đã được Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Chị Vi Thị H và anh Hà Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Lát vào ngày 29/5/2017, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị H và anh M là hôn nhân hợp pháp.

[4] Chị H và anh M chung sống với nhau từ năm 2002 và có 01 người con chung là Hà Văn M (sinh ngày 02/5/2002. Năm 2016 có phát sinh mâu thuẫn được Ban quản lý khu phố 1 và hai bên gia đình hòa giải nên anh, chị về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện, vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là trong cuộc sống không đồng nhất quan điểm trong làm kinh tế cũng như nuôi dạy con dẫn đến cãi nhau, đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018, không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau như theo lời khai của chị Hói và cũng phù hợp với Biên bản xác minh tại địa phương ngày 14.02.2019. Xét tình trạng hôn nhân của chị H và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận giải quyết cho chị H và anh M được ly hôn.

[5] Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là Hà Văn M (sinh ngày 02/5/2002), hiện đang học lớp 10, trường THPT Mường Lát, cháu ở với chị Hói. Giao cháu M cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cháu đến khi cháu trưởng thành, anh M có quyền thăm nom, chăm sóc cháu M nhưng không được lạm dụng hoặc dựa vào việc thăm con gây khó khăn cho chị H, chị H không được ngăn cấm hoặc cản trở.

[6] Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Hói phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; điều 58; Điều 82, điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Vi Thị H và anh Hà Văn M.

2. Về con cái: Giao cháu Hà Văn M, sinh ngày **02/5/2002** cho chị Vi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cháu đến khi cháu trưởng thành, anh M có quyền thăm nom, chăm sóc cháu Mạnh nhưng không được lạm dụng hoặc dựa vào việc thăm con gây khó khăn cho chị H, chị H không được ngăn cấm hoặc cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào khoản chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: **AA/2010/000913, ngày 18/01/2019** của chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Mường Lát;
- VKSND huyện tỉnh Thanh Hóa;
- UBND thị trấn Mường Lát;
- Chi cục THSDS huyện Mường Lát;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T